

Thành phố T, ngày 01 tháng 3 năm 2024

Số: 633/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 251/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Bà Phạm Thị D, sinh năm 1989.

- Ông Đào Ngọc S, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: nhà không số hẻm H đường C, tổ C, khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Người yêu cầu ông Đào Ngọc S và bà Phạm Thị D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131/KH quyền số 03/2012 do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 19/10/2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông S, bà D là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông S, bà D chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S vô tâm, không quan tâm chăm sóc vợ con. Mọi việc trong gia đình, chăm con hàng ngày cũng như lúc con bệnh đều chỉ có một mình bà D. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông S, bà D đã

ly thân từ từ hơn 07 tháng nay. Xét tình trạng hôn nhân của ông S, bà D đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông S, bà D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà là có cơ sở chấp nhận..

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Đào Ngọc Gia B, sinh ngày 12/12/2013 và Đào Ngọc Bảo A, sinh ngày 28/3/2019. Ông S, bà D thỏa thuận: Giao con chung cho ông S trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục; bà D không cấp dưỡng nuôi con.

Thỏa thuận này của ông S, bà D là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Gia B tại Tờ trình bày nguyện vọng ngày 22/02/2024 nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông S, bà D xác định không có.

[4] Về nợ chung: Ông S, bà D xác định không có.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, Tòa án lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Ngọc S và bà Phạm Thị D thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận kết hôn số 131/KH quyền số 03/2012 do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 19/10/2012 cho ông Đào Ngọc S, bà Phạm Thị D không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung tên Đào Ngọc Gia B, sinh ngày 12/12/2013 và Đào Ngọc Bảo A, sinh ngày 28/3/2019 cho ông Đào Ngọc S trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục; bà Phạm Thị D không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông S, bà D xác định không có.

- Về nợ chung: Ông S, bà D xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông Đào Ngọc S, bà Phạm Thị D mỗi người chịu một nửa, được căn trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông S, bà M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0025009 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông S, bà D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM
- Chi cục THADS TP Thủ Đức;
- UBND X.Tỉnh Thới, TP.Cao Lãnh, T.Đồng Tháp.
- VKSND TP Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoi